

Số: 16 /NQ-HĐND

Tân Uyên, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN
KHÓA XXI, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 2957/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023 huyện Tân Uyên, như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, đề án, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của huyện để phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Chú trọng phát triển văn hoá, đảm bảo an sinh xã hội và đời sống nhân dân vùng cao, chất lượng giáo dục, nhất là vùng sâu, vùng xa. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho phát triển. Đẩy mạnh phòng chống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đảm bảo quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập kinh tế có hiệu quả.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

(1). Thu nhập bình quân đầu người 47 triệu đồng.

(2). Tổng sản lượng lương thực 28.000 tấn; trồng mới 87 ha Chè, tổng diện tích Chè 3.455,9 ha, sản lượng Chè búp tươi 27.000 tấn; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 5,13%; thủy sản 670 tấn. Trồng mới 210 ha cây ăn quả; 180 ha cây Mắc ca và 550 ha rừng; diện tích rừng đạt 45.289,6 ha; tỷ lệ che phủ rừng 43,4%. Mở rộng 02 ha nhà màng, nhà lưới phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao; xây dựng 01 sản phẩm OCOP. Thành lập mới 10 HTX, Tổ hợp tác. Tiếp tục thực hiện các tiêu chí huyện NTM, duy trì 9/9 xã NTM, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM đã đạt, phấn đấu bình quân các tiêu chí xã NTM đạt 14 tiêu chí/xã theo bộ tiêu chí mới; triển khai xây dựng 01 xã nông thôn mới nâng cao (xã Phúc Khoa), 02 bản nông thôn mới nâng cao (bản Phiêng Phát xã Trung Đồng, bản Nậm Khăn xã Tà Mít) theo lộ trình.

(3). Thu ngân sách trên địa bàn 68.300 triệu đồng.

(4). Giá trị xuất khẩu hàng địa phương 5,38 triệu USD.

(5). 100% thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi; 99,7% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; 97% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 18% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 100% trường học, trạm y tế được xây dựng kiên cố.

(6). Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; phấn đấu 01 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; duy trì 01 xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Xây dựng và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, mức độ 2, duy trì tỷ lệ trường đạt chuẩn 76,5%.

(7). Giữ vững và nâng cao chất lượng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 50% dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử; tỷ lệ sinh giảm bình quân 0,5%/năm; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23,3%; thể nhẹ cân còn 17,4%.

(8). Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,0%; giải quyết việc làm trên 1.575 lao động/năm; đào tạo nghề cho trên 1.000 lao động/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 61%.

(9). Có 92,5% bản, Tổ dân phố có nhà văn hóa; Có 88,9% hộ gia đình; 82,8% bản, tổ dân phố; 97% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 91% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

(10). Tuyên công dân nhập ngũ đạt 100% KH.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

3.1. Tiếp tục thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ XVIII, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, các Nghị quyết, Đề án trọng điểm của tỉnh, của huyện trong giai đoạn 2021-2025. Bám sát các chỉ đạo của

UBND tỉnh về nhiệm vụ giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận trong công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh để cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành phù hợp với tình hình của huyện.

3.2. Về phát triển kinh tế

a. Phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Đề án, chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm, các cây trồng có giá trị kinh tế cao thành vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp giải quyết kịp thời, nhanh chóng các thủ tục đầu tư liên quan, đảm bảo các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp được triển khai thực hiện thuận lợi.

Thực hiện rà soát, quy hoạch vùng trồng Chè, trồng cây ăn quả, tiếp tục triển khai phát triển mở rộng vùng sản xuất rau, quả theo hướng tập trung có liên kết; tiếp tục kêu gọi, hỗ trợ các công ty, doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà màng, nhà lưới sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng sản phẩm OCOP. Tập trung hướng dẫn, vận động Nhân dân chăm sóc, đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện tốt công tác điều tra, dự tính, dự báo phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung, an toàn; đồng hành cùng các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án chăn nuôi trên địa bàn. Duy trì và phát triển vùng nuôi thủy sản tập trung, kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nuôi cá nước lạnh, cá lồng trên hồ thủy điện.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, chăm sóc rừng gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Quy hoạch vùng và chỉ đạo trồng mới 400 ha cây gỗ lớn, 100 ha cây Quế, 50 ha rừng phòng hộ, 180 ha cây Mắc Ca; đẩy mạnh chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đã trồng.

Tiếp tục duy trì, giữ vững kết quả chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã, huyện; triển khai xây dựng 01 xã, 02 bản nông thôn mới nâng cao gắn với du lịch theo Đề án; thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP tạo sức bật cho nông thôn mới; tập trung hỗ trợ các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

b. Phát triển công nghiệp, xây dựng, hạ tầng, đô thị

Phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và các sản phẩm chủ lực của địa phương. Tập trung thực hiện các giải pháp đi cùng với nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để các dự án trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng sớm được đầu tư, hoàn thành đưa vào hoạt động phát huy hiệu quả kinh tế xã hội, đặc biệt là các dự án thủy điện nhỏ, các dự án xây dựng nhà máy chế biến nông lâm sản.

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2023, kế hoạch đầu tư công 2023 theo đúng quy định của pháp luật. Quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch; quản lý chặt chẽ quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết đô thị, tăng cường công tác quản lý hoạt động cấp phép xây dựng.

Tiếp tục tập trung nguồn lực đầu tư, hoàn thiện hạ tầng giao thông, trọng tâm là nâng cấp các tuyến đường liên bản, nội bản; mở mới một số tuyến đường sản xuất tại các xã vùng sâu, vùng xa. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án đường nối với cao tốc Hà Nội - Lào Cai.

c. Phát triển thương mại - dịch vụ

Chủ động theo dõi diễn biến cung cầu hàng hóa bảo đảm cân đối hàng hóa thiết yếu, tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát giá cả các mặt hàng thiết yếu, đấu tranh chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại. Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường cho hàng hóa nông sản của địa phương. Tiếp tục tạo điều kiện giao thương phát triển, giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo giao thông trong mùa mưa lũ và chất lượng cuộc sống cho Nhân dân, đặc biệt vùng sâu, vùng xa.

d. Hoạt động tài chính - ngân hàng

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế, tăng thu ngân sách trên địa bàn. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, đúng chế độ quy định, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả. Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế. Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn đạt 68.300 triệu đồng.

e. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi phát triển các thành phần kinh tế

Tiếp tục tập trung vào công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác xử lý thủ tục hành chính đi đôi với việc xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, năng động, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động của bộ phận một cửa, một cửa liên thông, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đến làm thủ tục hành chính một cách nhanh gọn và đảm bảo tính minh bạch trong quan hệ giữa cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước với người dân, tránh hiện tượng gây phiền hà, sách nhiễu; thực hiện công khai minh bạch, phổ biến rộng rãi và niêm yết công khai tại công sở các quy chế, quy trình và các thủ tục hành chính.

Tăng cường gặp gỡ, đối thoại nắm bắt thông tin, ý kiến đóng góp của đội ngũ doanh nhân để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm giàu chính đáng, đóng góp ngày càng nhiều cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.3. Về phát triển văn hóa - xã hội

a. Về giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, kế hoạch chuyên đề về giáo dục giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Trường trọng điểm chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện Tân Uyên tại trường THCS thị trấn Tân Uyên và trường TH số 1 thị trấn Tân Uyên. Tiếp tục triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,6,7; chuẩn bị các điều kiện triển khai chương trình GDPT 2018 đối với lớp 4, lớp 8; có giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; cơ sở vật chất; thiết bị dạy và học. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới và thực hiện chương trình GDPT 2018.

Tăng cường huy động học sinh các cấp học ra lớp. Tiếp tục mở các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ. Tổ chức tốt các hoạt động hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS. Xây dựng và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, mức độ 2, duy trì tỷ lệ trường đạt chuẩn 76,5%. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa.

Củng cố, nâng cao hiệu quả, đổi mới giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Gắn kết đào tạo nghề với nhu cầu các Doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động.

b. Về y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực y tế. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử trong nghề y. Triển khai thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh ATTP, các Chương trình mục tiêu y tế Quốc gia; công tác dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc bảo vệ trẻ em các xã vùng khó khăn, tập trung vào các nhiệm vụ giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tỷ lệ trẻ em suy sinh dưỡng; không để dịch lớn và ngộ độc thực phẩm xảy ra.

c. Về lao động - việc làm; an sinh xã hội; giảm nghèo

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn huyện và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc cơ sở trong việc thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội. Triển khai thực hiện chương trình MTQGGN ngay từ đầu năm và thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia, huy động các nguồn lực để thực hiện giảm nghèo bền vững, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,0% trong năm 2023. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề để giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động khu vực nông thôn theo hướng giảm dần tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp; thực hiện đào tạo gắn Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp, nhu cầu của các doanh nghiệp, xã hội; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo, nâng cao chất lượng lao động. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xuất khẩu lao động trên địa bàn để giúp giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình bền vững, ổn định.

d. Về văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông

Tập trung xây dựng, phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, nâng cao chất lượng tin, bài truyền thanh, truyền hình; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động trực quan, tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao, truyền thông chào mừng các sự kiện, ngày lễ lớn của đất nước và địa phương. Khai thác hiệu quả các Trạm phát thanh do Trung tâm quản lý trong đó mở rộng và nâng cao chất lượng vận hành các Trạm Truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn toàn huyện. Tập trung triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số, xây dựng hệ thống trạm truyền thanh thế hệ mới ứng dụng công nghệ Thông tin - Viễn thông tại 03 xã. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết, đề án xây dựng xã, bản nông thôn mới nâng cao gắn với phát triển du lịch huyện Tân Uyên.

e. Phát triển khoa học - công nghệ

Tiếp tục chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong Nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi kêu gọi, thu hút, hỗ trợ nhà đầu tư đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông lâm nghiệp. Triển khai thực hiện xây dựng, áp dụng hoặc chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá; thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

f. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, chủ động nắm tình hình đồng bào theo tôn giáo, thực hiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc; tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị và cán bộ làm công tác dân tộc từ huyện đến cơ sở. Chỉ đạo tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3.4. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt. Hoàn thiện hồ sơ lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024; thực hiện thống kê đất đai năm 2023. Rà soát quỹ đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp kém hiệu quả kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực vào đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ các điểm mỏ khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động khai thác khoáng sản. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường các biện pháp phòng chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai.

3.5. Công tác nội vụ, thanh tra, tư pháp

Tiếp tục ổn định, kiện toàn bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND các xã, thị trấn. Tăng cường cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền các cấp. Duy trì tốt chế độ trực, tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; thực hiện các cuộc thanh tra theo kế hoạch và các cuộc thanh tra đột xuất. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đảm bảo các Luật mới ban hành và các văn bản gắn với đời sống Nhân dân được tuyên truyền, phổ biến thường xuyên. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị thay đổi một số thủ tục rườm rà, khó khăn cho Nhân dân trong quá trình thực hiện.

3.6. Quốc phòng - An ninh

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai theo kế hoạch, kịp thời xử lý các tình huống đột xuất xảy ra. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Tân Uyên năm 2023. Tăng cường tuần tra canh gác đảm bảo an toàn các khu vực mục tiêu đảm nhiệm. Tập trung chỉ đạo các lực lượng làm tốt công tác nắm tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tấn công, trấn áp tội phạm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao


1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện và Đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Uyên khóa XXI nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Bùi Huy Phương



PHỤ LỤC

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022, KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của HĐND huyện Tân Uyên)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023			So sánh (%)				Đánh giá mức độ đạt so với KH huyện giao năm 2022	Ghi chú
				KH tỉnh giao	KH huyện giao	Ước TH cả năm	KH 2023 trong GD 2021-2025	KH tỉnh giao	KH huyện giao	Ước TH 2022/TH 2021	Ước TH 2022/KH 2022		KH 2023/Ước TH 2022		
											Tỉnh giao	Huyện giao			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7/4	12=7/5	13=7/6	14=10/7	15=7/6	16
1	Thu nhập bình quân đầu người / năm	Triệu đồng	40,0		43,0	43,0	47,0		47,0	107,5%		100,0%	109,3%	Đạt	
2	Các chỉ tiêu nông nghiệp, nông thôn mới														
-	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	31.600,0	28.930,0	28.950,0	30.536,2	27.600,0	28.000,0	28.000,0	96,6%	105,6%	105,5%	91,7%	Vượt	
-	Diện tích cây chè	Ha	3.248,00	3.332,68	3.333,00	3.368,87	3.392,40	3.455	3.455,9	103,7%	101,1%	101,1%	102,6%	Vượt	
+	Trong đó: Diện tích trồng mới	Ha	91,80	85,00	85,00	120,87	80,00	85,00	87,00	131,7%	142,2%	142,2%	72,0%	Vượt	
-	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42,77	42,20	43,10	43,25	42,50	43,4	43,4	0,48	1,05	0,15	0,15	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tốc độ tăng đàn gia súc	%	8,28	5,28	5,57	7,45	5,50	5,13	5,13	(0,83)	2,17	1,88	(2,32)	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	9		9	9	9	9	9	100,0%		100,0%	100,0%	Đạt	
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
3	Thu NSNN trên địa bàn	Triệu đồng	52.634	60.400	66.000	66.800	57.000	68.000	68.300	126,9%	110,6%	101,2%	102,2%	Vượt	
4	Xuất, nhập khẩu														
-	Tốc độ tăng kim ngạch xuất nhập khẩu	%	22,98			22,40			25,29	(0,58)			2,89		So sánh tuyệt đối
-	Xuất khẩu hàng địa phương	Tr.USD	3,50		4,29	4,29	5,38		5,38	122,6%		100,0%	125,4%	Đạt	
5	Hạ tầng nông thôn														
-	Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	100,0		98,6	100,0		100,0	100,0	-		1,4	-	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,7		99,7	99,7		99,7	99,7	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	97,00		97,0	97,0		97,0	97,0	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023			So sánh (%)				Đánh giá mức độ đạt so với KH huyện giao năm 2022	Ghi chú
				KH tỉnh giao	KH huyện giao	Ước TH cả năm	KH 2023 trong GD 2021-2025	KH tỉnh giao	KH huyện giao	Ước TH 2022/TH 2021	Ước TH 2022/KH 2022		KH 2023/Ước TH 2022		
											Tỉnh giao	Huyện giao			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7/4	12=7/5	13=7/6	14=10/7	15=7/6	16
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100,0	85,0	100,0	100,0		87,0	100,0	-	15,0	-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
+	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	%	3,75		12,0	12,0	18,0		18,0	8,3		-	6,0	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố	%	100,0		100,0	100,0		100,0	100,0	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%	100,0		100,0	100,0		100,0	100,0	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
6	Giáo dục														
-	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã	10	10	10	10	10	10	10	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	Đạt	
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 trở lên và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 trở lên	%	100,0		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường	%	99,5		99,7	99,9		98,5	98,5	0,4		0,2	(1,4)	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	99,9		99,9	99,9		99,9	99,9	-		-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường	%	96,8		95,6	95,6		96,0	96,0	(1,2)		-	0,4	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường	%	96,0		97,8	99,4		55,0	96,0	3,4		1,6	(3,4)	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	-	-	-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
7	Y tế, dân số														
-	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%			40,0	40,0		50,0	50,0			-	10,0	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Số bác sỹ trên vạn dân	1/10.000	6,5	7,2	8,2	7,3		7,6	7,6	112,3%	101,4%	89,0%	104,1%	Không đạt	
-	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,50	0,40	0,50	0,50	0,50	0,40	0,50	-	-	-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng														
+	Thể nhẹ cân	%	19,69	18,69	18,48	18,28	17,39	17,40	17,40	(1,41)	(0,41)	(0,20)	(0,88)	Vượt	So sánh tuyệt đối
+	Thể thấp còi	%	26,31	29,31	24,90	24,38	25,71	23,30	23,30	(1,93)	(4,93)	(0,52)	(1,08)	Vượt	So sánh tuyệt đối



STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023			So sánh (%)				Đánh giá mức độ đạt so với KH huyện giao năm 2022	Ghi chú
				KH tỉnh giao	KH huyện giao	Ước TH cả năm	KH 2023 trong GD 2021-2025	KH tỉnh giao	KH huyện giao	Ước TH 2022/TH 2021	Ước TH 2022/KH 2022		KH 2023/ Ước TH 2022		
											Tỉnh giao	Huyện giao			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=7/4	12=7/5	13=7/6	14=10/7	15=7/6	16
8	Giảm nghèo, giải quyết việc làm														
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,90	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00	(0,90)	-	-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
-	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	1.543	1.550	1.550	1.637	1.575	1.575	1.575	106,1%	105,6%	105,6%	96,2%	Vượt	
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	1.000	1.000	1.000	1.060		1.000	1.000	106,0%	106,0%	106,0%	94,3%	Vượt	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	57,18	54,60	57,50	59,75	56,50	56,50	61,00	2,57	5,15	2,25	1,25	Vượt	So sánh tuyệt đối
9	Văn hóa														
-	Tỷ lệ bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%	86,02		78,00	89,25		92,50	92,50	3,23		11,25	3,25	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	98,10	88,50	88,50	89,80	87,90	88,90	88,90	(8,30)	1,30	1,30	(0,90)	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	86,02	77,50	82,80	84,95	82,80	80,60	82,80	(1,07)	7,45	2,15	(2,15)	Vượt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, Doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	96,00	97,00	97,00	91,00	97,10	97,0	97,00	(5,00)	(6,00)	(6,00)	6,00	Không đạt	So sánh tuyệt đối
-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%			90,69	90,70		90,00	91,00	90,70		0,01	0,30	Vượt	So sánh tuyệt đối
10	Quốc phòng - An ninh														
-	Tuyển công dân nhập ngũ	%	100,0		100,0	100,0		100,0	100,0	-	-	-	-	Đạt	So sánh tuyệt đối
11	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới														
-	Duy trì huyện đạt chuẩn NTM	Huyện	1	1	1	1				100,0%	100,0%	100,0%	0,0%	Đạt	
-	Duy trì xã đạt chuẩn NTM	Xã	9	9	9	9				100,0%	100,0%	100,0%	0,0%	Đạt	
-	Duy trì thị trấn Tân Uyên đạt chuẩn văn minh đô thị	Thị trấn	1		1	1				100,0%		100,0%	0,0%	Đạt	
-	Triển khai xây dựng xã nông thôn mới nâng cao gắn với du lịch theo lộ trình	Xã	2		2	2				100,0%		100,0%	0,0%	Đạt	
-	Triển khai xây dựng bản nông thôn mới nâng cao gắn với du lịch theo lộ trình	Bản	1		2	2				200,0%		100,0%	0,0%	Đạt	